TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-PT
Ngày: 28-3-2023
V/v Tranh chấp hđ tặng cho QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 204/2022/DS-PT ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh L1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Trịnh Văn L1, sinh năm 1927 (đã chết ngày 08/01/2022)

Những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Trịnh Thị B1, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Người đại diện theo ủy quyền của bà B1 là ông **Nguyễn Mạnh K**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: đường Trần Phú, phường 4, thành phố Vĩnh L1, tỉnh Vĩnh L1.

2. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Khóm 4, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3. Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1965.

5. Bà Trịnh Thị H3, sinh năm 1973.

Bà H2, bà H3 cùng nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3: Bà Trịnh Thị B1, sinh năm 1955; nơi cư trú: số nhà 40/8E, Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1 theo Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022 .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3 và Trịnh Thị B1 là Luật sư **Phạm Hoài Duy Tân** – Văn phòng Luật sư H4 Anh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh L1.

6. Bà Nguyễn Thị Phương V1, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: ấp P, xã LP, huyện L, tỉnh Vĩnh L1

7. Ông Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1980.

8. Ông Nguyễn Thanh B2, sinh năm 1989.

Ông V2, ông B2 cùng nơi cư trú: Khóm 4, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn L2, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: số nhà 40/8, Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Địa chỉ liên hệ:, Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L2 là Luật sư **Phạm Minh T3** – Văn phòng Luật sư Phạm Minh T3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh L1.

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị B1, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

2. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

3. Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1965.

5. Bà Trịnh Thị H3, sinh năm 1973.

Bà H2, bà H3 cùng nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3: Bà Trịnh Thị B1, sinh năm 1955; nơi cư trú: số nhà 40/8E, Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1 theo các Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021, 13/4/2021.

6. Bà Nguyễn Thị Phương V1, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: ấp P, xã L1 Phước, huyện L1 Hồ, tỉnh Vĩnh L1

7. Ông Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1980.

8. Ông Nguyễn Thanh B2, sinh năm 1989.

9. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1956.

Ông V2, ông B2, ông T4 cùng nơi cư trú: Khóm 4, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Phương V1, ông Nguyễn Thanh B2, ông Nguyễn Văn T4: Ông Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1980; nơi cư trú: số nhà 74/22, Khóm 4, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1.

10. Bà Võ Thị Tuyết T5, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: ấp 9, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh L1

Địa chỉ liên hệ: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

11. Anh Quan Trọng N, sinh năm 1994.

12. Anh Quan Trung D, sinh năm 2003.

13. Bà Trịnh Thị H4, sinh năm 1953.

Anh N, anh D, bà H4 cùng nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

14. Anh Trịnh Huỳnh H6, sinh năm 1989.

15. Chị Lê Thị Kim T6, sinh năm 1991.

Anh H6, chị T6 cùng nơi cư trú: Khóm 2, Phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1

NỘI D VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề các ngày 05/4/2021, 07/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, cụ Trịnh Văn L1 trình bày:

Cụ L1 và cụ Nguyễn Thị Huê (chết ngày 05/10/2008, không để lại di chúc) là vợ chồng có tài sản chung thửa đất 275, diện tích 5.216,9m^2, địa chỉ: Khóm 2, Phường 3, TPVL do cụ L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/10/2004. Diễn biến quá trình sử dụng đất, thửa 275 được tách thành nhiều thửa chuyển nhượng cho người khác, tư liệu Vlap là thửa 269, tờ bản đồ 34, diện tích 1.833,3m^2, mục đích sử dụng: đất ở 200m^2 và đất trồng cây lâu năm 1.633,3m^2, địa chỉ: Phường 3, TPVL. Trên thửa đất 269 gắn 01 căn nhà cấp 4 do cụ L1, cụ Huê xây dựng từ năm 1973, diện tích ngang 10m, dài 15m, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái ngói, không trần, vách tường độc lập, nền lát gạch B1 và 01 nhà phụ.

Cụ L1, cụ Huê chung sống với nhau có 08 người con chung gồm: bà Trịnh Thị Bê (chết ngày 28/01/2006, có 03 người con thừa kế thế vị tên Nguyễn Thị Phương V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thanh B2), ông Trịnh Văn L2, bà Trịnh Thị B1, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3, bà Trịnh Thị Lan (tên gọi khác Trịnh Thanh Lan, đã chết lúc vài tháng tuổi). Sau khi cụ Huê chết, cụ L1 trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa 269. Khoảng tháng 4/2020, ông Trịnh Văn L2 mượn cụ L1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 269. Sau đó, cụ L1 phát hiện có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2020, số công chứng 1144, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Lê Văn Chiến, tỉnh Vĩnh L1 và ông L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 269 cấp ngày 27/5/2020.

Cụ L1 cho rằng thửa đất 269 gắn 01 căn nhà cấp 4 là tài sản chung cụ L1, cụ Huê đang do cụ L1 và người con gái tên Trịnh Thị H3 (không có chồng, con) trực tiếp quản lý, sử dụng. Cụ L1 không biết, không ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 269. Cụ L1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 269 lập ngày 05/5/2020; công nhận cụ L1 được quyền sử dụng thửa đất 269, tờ bản đồ 34.

Ngày 08/01/2022, cụ L1 chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 (và cụ Huê) gồm: ông Trịnh Văn L2, bà Trịnh Thị B1, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3 và 03 người con thừa kế thế vị của bà Trịnh Thị Bê gồm bà Nguyễn Thị Phương V1, ông Nguyễn Thanh V2, ông Nguyễn Thanh B2. Riêng bà Trịnh Thị Lan (Trịnh Thanh Lan) chết lúc nhỏ không người thừa kế thế vị. Cha và mẹ của cụ L1, cụ Huê đều đã chết. Cụ L1, cụ Huê không có cha, mẹ nuôi và không có con nuôi. Những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của cụ Trịnh Văn L1 được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của cụ L1.

Tại Bản khai ý kiến đề ngày 19/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Văn L2 trình bày:

Cụ Trịnh Văn L1 (chết ngày 08/01/2022) và cụ Nguyễn Thị Huê (chết

ngày 05/10/2008) có 08 người con chung gồm: bà Trịnh Thị Bê (chết ngày 28/01/2006, có 03 người con thừa kế thế vị tên Nguyễn Thị Phương V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thanh B2), ông Trịnh Văn L2, bà Trịnh Thị B1, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3, bà Trịnh Thị Lan (chết lúc khoảng vài tháng tuổi). Cha và mẹ của cụ L1, cụ Huê đều đã chết. Cụ L1, cụ Huê không có cha, mẹ nuôi và không có con nuôi. Ngày 11/10/2017, cụ L1 đã làm Di chúc để lại ông L2 tài sản nhà và đất tại thửa 266, tờ bản đồ 34, diện tích 1.983m^2 nay là thửa 269, tờ bản đồ 34, diện tích 1.833,3m^2. Ngày 05/5/2020, cụ L1 xác lập Hợp đồng tặng cho ông L2 quyền sử dụng đất thửa 269, tờ bản đồ 34. Ngày 27/5/2020, ông L2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV597171 cấp ngày 27/5/2020. Vì vậy, ông L2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ L1 cùng các người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của cụ L1.

Trên thửa đất 269 có gắn tài sản của bà B1 thì ông L2 yêu cầu bà B1 tự tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng của bà B1 trên thửa đất 269 trả đất trống lại ông L2. Ông L2 không đồng ý bồi hoàn giá trị để nhận tài sản của bà B1, không hỗ trợ chi phí di dời tài sản của bà B1.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/6/2021, 01/3/2022, 06/4/2022, 24/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, các bà Trịnh Thị B1, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3 trình bày:

Các người có quyền lợi, N vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Trịnh Văn L1, không ý kiến khác.

Riêng bà B1 thì xác định trên thửa đất 269 có tồn tại tài sản của bà B1 gồm:

+ Bà B1 xuất tiền ra xây dựng để cụ L1 quản lý, sử dụng 01 nhà phụ xây dựng năm 2017, kết cấu khung tiền chế, mái tole, không trần, vách tường (01 vách nhờ), nền gạch men, diện tích 56,25m^2; sân láng xi măng diện tích 165,4m^2; hàng rào kết cấu móng trụ đà bê tông cốt thép, tường gạch + khung lưới kẽm B40, diện tích 40,1m^2; 40 cây chuối cao hơn 1m.

+ Bà B1 xây dựng 02 căn phòng cho thuê ở trọ từ năm 2016 kết cấu khung bê tông cốt thép, mái tole, có trần, vách tường độc lập, nền gạch men, diện tích 46m^2; 01 nhà khung tiền chế, mái tole, không trần, nền láng xi măng, diện tích 25,3m^2; hàng rào trụ móng bê tông cốt thép, tường lửng + lưới B40, diện tích 109,5m^2; riêng các cây trồng hiện còn 05 cây mít 03 năm tuổi, 04 cây mít 07 năm tuổi, 01 cây mãng cầu 05 năm tuổi và đã đốn bỏ 91 cây chuối.

Trường hợp yêu cầu khởi kiện của cụ L1 được chấp nhận thì tài sản của cụ Huê, cụ L1 và thửa đất 269 trở thành di sản thừa kế chưa chia; thửa đất 269 không thuộc quyền sử dụng của ông L2 nên tài sản của bà B1 trên thửa đất 269 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này, bà B1 cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê sẽ giải quyết đối với tài sản của bà B1 trên thửa 269 nếu có phân chia thừa kế di sản của cụ L1, cụ Huê. Trường hợp, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ L1 thì bà B1 yêu cầu Tòa án xem

xét giữ nguyên tài sản của bà B1 trên thửa đất 269, không bàn giao tài sản của bà B1 cho ông L2.

Ngày 30/5/2022, bà Trịnh Thị B1 nộp Đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án công nhận bà B1 được quyền sử dụng đất diện tích 350m^2 thuộc chiết thửa 269, tờ bản đồ 34 hiện trạng là khu đất nền mộ cùng 02 phòng trọ, 01 nhà tiền chế đã có tường rào ngăn cách phần đất còn lại của thửa đất 269.

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh V2 và bà Nguyễn Thị Phương V1, ông Nguyễn Thanh B2, ông Nguyễn Văn T4 do ông Nguyễn Thanh V2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các người có quyền lợi, N vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Trịnh Văn L1, không ý kiến khác.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/5/2022, bà Võ Thị Tuyết T5 trình bày:

Bà T5 thỏa thuận bằng lời nói thuê căn phòng trọ với bà Trịnh Thị B1 tại nhà số 40/8D, Khóm 2, Phường 3, TPVL, giá thuê 500.000 đồng/tháng để ở đi làm. Việc thực hiện thỏa thuận thuê nhà ở giữa bà T5 với bà B1 rất tốt, không phát sinh tranh chấp. Giữa bà B1 với các thành viên trong gia đình bà B1 phát sinh tranh chấp tại phần đất thửa 269 gắn phần nhà trọ bà T5 đang thuê thì do bà B1 giải quyết; bà T5 không có quyền lợi, N vụ bị ảnh hưởng nên không ý kiến gì trong vụ án. Bà T5 bảo lưu ý kiến này suốt quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà T5 suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cùng các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2022, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022, 17/6/2022, các đương sự Quan Trọng N, Quan Trung D, Trịnh Thị H4, Trịnh Huỳnh H6, Lê Thị Kim T6 cùng trình bày:

Anh Quan Trọng N, anh Quan Trung D là con ruột của bà Trịnh Thị H2 cư trú tại nhà số 40/8 cùng mẹ ruột. Bà Trịnh Thị H4 là họ hàng gần với cụ L1, đang thuê ở tại nhà bếp của nhà 40/8 từ tháng 3/2022. Anh Trịnh Huỳnh H6, chị Lê Thị Kim T6 là con trai, con dâu của ông Trịnh Văn L2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số 40/8 n H6 thực tế không cư trú tại đây mà cư trú tại địa chỉ nhà 40/8A là nhà ở của ông L2. Tất cả cùng xác định không ý kiến gì trong vụ án, không có quyền lợi, N vụ gì bị ảnh hưởng và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng, các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số Bản án số: 49/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh L1 đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 161, 165, 201, 227, 228, 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 122, 123, 131, 213, 612, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2014; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng nguyên đơn cụ Trịnh Văn L1.

Vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 05/5/2020 giữa cụ Trịnh Văn L1 và ông Trịnh Văn L2, số công chứng 1144, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Lê Văn Chiến, tỉnh Vĩnh L1 đối với thửa đất 269, tờ bản đồ 34, diện tích 1.833,3m^2, mục đích sử dụng: đất ở 200m^2 và đất trồng cây lâu năm 1.633,3m^2, địa chỉ: Phường 3, TPVL.

Tạm giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất 269, tờ bản đồ 34 cùng nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng gắn liền trên đất của cụ Nguyễn Thị Huê, cụ Trịnh Văn L1 cho tất cả những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Huê, cụ Trịnh Văn L1 gồm ông Trịnh Văn L2, bà Trịnh Thị B1, bà Trịnh Thị H1, bà Trịnh Thị T1, bà Trịnh Thị H2, bà Trịnh Thị H3 và 03 người con thừa kế thế vị của bà Trịnh Thị Bê gồm bà Nguyễn Thị Phương V1, ông Nguyễn Thanh V2, ông Nguyễn Thanh B2.

(Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL).

Việc giải quyết, phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Huê, cụ Trịnh Văn L1 do các đương sự thỏa thuận giải quyết với nhau, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác về tranh chấp thừa kế tài sản theo di chúc hay theo pháp luật nếu có yêu cầu.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm tố tụng, án phí, N vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông Trịnh Văn L2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội D:

Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 28/7/2022 Viện trưởngViện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L1 Quyết định kháng nghị số 105/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 27/7/2022 đối với bản án sơ thẩm với nội D: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của ông L2 và bị đơn tự nguyện thỏa thuận là ông L2 được nhận diện tích theo trích theo trích đo ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL là 654,6 m^2, diện tích đường đi là 65,8 m^2; diện tích khu mộ 500,5 m^2 sẽ giao cho tất cả hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 đứng tên chung cùng quản lý sử dụng, phần đất nhà ở, sân, công trình phụ 612,4 m^2 sẽ giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê quản lý.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đề nghị công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội D: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn L2 và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L1 còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội D: Phần đất thửa 269, diện tích 1.983 m^2 (thực đo 1.833,3 m^2) của cụ Trịnh Văn L1 (chết 08/01/2022) và cụ Nguyễn Thị Huê (chết 05/10/2008). Cụ L1 và cụ Huê có 8 người con gồm: Trịnh Thị Bé (chết 28/01/2006, có 3 người con thừa kế thế vị là Nguyễn Thị Phương V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thanh B2), Trịnh Văn L2, Trịnh Thị B1, Trịnh Thị H1, Trịnh Thị T1, Trịnh Thị H2, Trịnh Thị H3, Trịnh Thị Lan (chết lúc nhỏ). Phần đất trên sau khi cụ Huê chết, cụ L1 quản lý, sử dụng, cụ L1 cho rằng tháng 4/2020 cho ông L2 mượn và đứng tên quyền sử dụng đất nên cụ L1 khởi kiện đòi lại phần đất, ngày 08/01/2022 cụ L1 chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của cụ L1, ông L2 cho rằng vào ngày 11/10/2017 ông L1 đã lập di chúc để lại toàn bộ và đất thửa 269 cho ông L2. Ngày 05/5/2020 cụ L1 xác lập hợp đồng tặng cho ông L2 phần đất thửa 269 đến ngày 27/5/2020 ông L2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của ông L2 và bị đơn tự nguyện thỏa thuận là ông L2 được nhận diện tích theo trích theo trích đo ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL là 654,6 m^2, đối với diện tích đường đi là 65,8 m^2; diện tích khu mộ 500,5 m^2 sẽ giao cho tất cả hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 đứng tên chung cùng quản lý sử dụng, phần đất nhà ở, sân, công trình phụ 612,4 m^2 sẽ giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê quản lý, chị H3 là người trực tiếp ở nên tiếp tục ở, việc thừa kế sẽ giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giành vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu 50%.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông L2 vì là người cao tuổi.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn L2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L1, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 161, 165, 201, 227, 228, 259 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 122, 123, 131, 213, 612, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2014; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Ông Trịnh Văn L2 được quản lý, sử dụng, đưng tên quyền sử dụng phần đất chiết thửa 269, diện tích 654,6 m^2, tọa lạc tại khóm 2, phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh L1.

2. Phần đất chiết thửa 269 diện tích 65,8 m^2 (lối đi) và 500,5 m^2 sẽ giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê quản lý, sử dụng chung và đứng tên chung gồm Trịnh Văn L2, Trịnh Thị B1, Trịnh Thị H1, Trịnh Thị T1, Trịnh Thị H2, Trịnh Thị H3 và 3 người con của Trịnh Thị Bé gồm Nguyễn Thị Phương V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thanh B2.

3. Phần đất chiết thửa 269, diện tích 612,4 m^2 gồm nhà ở, sân, vật kiến trúc sẽ tạm giao cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1, cụ Huê gồm gồm Trịnh Văn L2, Trịnh Thị B1, Trịnh Thị H1, Trịnh Thị T1, Trịnh Thị H2, Trịnh Thị H3 và 3 người con của Trịnh Thị Bé gồm Nguyễn Thị Phương V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thanh B2 quản lý, sử dụng.

(Kèm theo trích theo trích đo ngày 16/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Trịnh Văn L2.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà B1 nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và đã nộp xong, ông L2 nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) trả lại cho bà B1.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh L1: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng